

## PHÂN TÍCH BÀI THƠ TRÀNG GIANG CỦA TÁC GIẢ HUY CẬN

### 1. Dàn ý phân tích bài thơ Tràng giang

#### a. Mở bài:

- Giới thiệu những nét chính về tác giả Huy Cận (đặc điểm tiểu sử, con người, các sáng tác tiêu biểu, đặc điểm sáng tác,...).
- Giới thiệu khái quát về bài thơ “Tràng giang” (hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, khái quát những nét cơ bản về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật,...).

#### b. Thân bài:

- Nhan đề và câu thơ đề từ:

+ Một từ Hán Việt mang sắc thái cổ kính, với nghĩa là sông dài.

+ Sử dụng hai vần vãn mở, có độ vang, độ ngân xa liên tiếp nhau, gợi lên hình ảnh một con sông vừa dài vừa rộng.

+ Câu thơ đề từ: Khái quát một cách ngắn gọn, đầy đủ tình và cảnh trong bài thơ.

- Khổ 1:

+ Câu thơ mở đầu khổ thơ thứ nhất đã mở ra một hình ảnh sông nước mênh mang.

+ Hình ảnh: con thuyền xuôi mái nước gợi lên sự nhỏ nhoi.

+ Thuyền và nước như có một nỗi buồn chia lìa đang đón đợi, cho lòng “sầu trăm ngả”. Đặc biệt, giữa cảnh sông nước mênh mông ấy.

+ Hình ảnh “củ một cành khô lạc mấy dòng” gợi lên trong lòng người đọc ám ảnh khôn nguôi về cõi nhân sinh, lạc lõng, bơ vơ, không biết rồi sẽ trôi dạt về đâu.

- Khổ 2:

+ Nghệ thuật đảo ngữ cùng từ láy “lơ thơ”, “đìu hiu” đặc biệt gợi cảm đã gợi lên sự thưa thớt, hoang vắng, lạnh lẽo.

+ Câu thơ “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều” là câu thơ có nhiều cách hiểu nhưng dấu hiệu theo cách nào thì câu thơ vẫn gợi lên trong lòng người đọc nỗi buồn, sự hoang vắng, tàn tạ, thiếu vắng đi sự sống của con người.

+ Hai câu tiếp, không gian như được mở rộng cả về bốn phía làm cho cảnh vật vốn đã vắng vẻ lại càng thêm cô liêu và tĩnh mịch hơn, từ đó gợi lên cả nỗi buồn, sự cô đơn đến tột cùng của lòng người.

- Khổ 3:

+ Hình ảnh “bèo dạt về đâu hàng nối hàng”: gợi lên hình ảnh về kiếp người, cõi nhân sinh trôi nổi, không biết rồi sẽ đi đâu, về đâu.

+ Nghệ thuật phủ định được lặp lại: “không một chuyến đò ngang”, “không cầu”.

+ Ở nơi đây không có bất cứ thứ gì gắn kết đôi bờ với nhau, nó thiếu đi dấu vết của sự sống, của bóng hình con người và hơn hết là tình người, mối giao hòa, thân mật giữa con người với nhau.

- Khổ 4:

- + Hình ảnh những đám mây trắng cứ hết lớp này đến lớp khác nối tiếp nhau “đùn” lên dưới ánh nắng chiều như tạo nên những quả núi dát bạc.
- + Hình ảnh cánh chim xuất hiện như ánh lên một tia ấm áp cho cảnh vật song nó vẫn không làm vơi đi nỗi buồn trong sâu thẳm tâm hồn của nhà thơ.
- + Hình ảnh “dồn dồn vời con nước” không chỉ tả những đợt sóng lan xa mà hơn thế nó còn gợi lên cảm giác buồn nhớ đến vô tận của nhà thơ - nỗi buồn của người xa xứ đang nhớ quê hương da diết.
- + Câu thơ cuối đậm chất cổ điển khép lại bài thơ đã diễn tả một cách chân thực và rõ nét niềm thương nhớ quê hương đất nước của nhà thơ.

### c. Kết bài:

- Khái quát những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ và những cảm nhận của bản thân.

## 2. Cảm nhận về tác phẩm Tràng giang của Huy Cận

Nhắc tới Huy Cận, người ta nhớ ngay đến một “hồn thơ ảo não” (Hoài Thanh). Trước cách mạng tháng Tám 1945, ông đã góp mặt vào thơ ca đương thời một nỗi sầu nhân thế, một cái tôi cô đơn, buồn bã trước dòng đời. Với sự pha trộn giữa chất cổ điển và hiện đại, ông đã gửi gắm nỗi niềm ấy trong nhiều bài thơ, trong đó phải kể đến Tràng giang. Bài thơ in trong tập “Lửa thiêng” (1940) rất tiêu biểu cho phong cách thơ Huy Cận.

Vào một buổi chiều thu năm 1939, có một chàng sinh viên trường Cao đẳng Canh nông, đạp xe dọc theo bờ đê sông Hồng, đến tới bãi Chèm - phía Nam dòng sông, trước cảnh sóng nước mênh mông, đã không kìm nén nổi cảm xúc buồn bã, cô đơn và nhớ nhà da diết nên sáng tác bài thơ Tràng giang. Nhà thơ Huy Cận đã từng tâm sự về hoàn cảnh ra đời bài thơ như thế. Ban đầu, tác phẩm có tên là “Chiều trên sông” nhưng về sau đổi thành Tràng giang. Nhan đề này đã chuyển tải nhiều ý nghĩa hơn. “Tràng giang” là một từ Hán Việt đầy trang trọng, cổ kính, chỉ một con sông dài. Nhưng nhà thơ không dùng “trường giang” (có cùng nghĩa) để thay thế, bởi cách điệp vần “ang” giúp nhan đề vừa gợi âm hưởng ngân vang, vừa gợi nên cảm giác một dòng sông không những dài mà còn rộng. Thêm lời đề từ Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài càng làm rõ hơn sắc thái cảm xúc chủ đạo của bài thơ. Đó là nỗi buồn của con người trước một không gian mênh mông, rộng lớn có thể bao trùm cả vũ trụ.

Bài thơ mở đầu bằng khổ thơ thấm đượm nỗi buồn:

*"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp  
Con thuyền xuôi mái nước song song  
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng"*

Những con sóng lăn tăn gợn theo chiều gió thổi, không gian ấy hoàn toàn yên tĩnh. Nhưng ở đây không chỉ có thiên nhiên mà ẩn khuất còn có tâm trạng của con người “buồn điệp điệp”, nỗi buồn không còn vô hình mà hữu hình qua từ láy “điệp điệp”. Nỗi buồn ấy tầng tầng lớp lớp chồng lên nhau, nó tuy nhẹ nhàng mà thấm đẫm, mà lan tỏa trong lòng con người. Nổi bật trong không gian đó là hình ảnh con thuyền xuôi mái, lênh đênh, phiêu dạt. Giữa dòng tràng giang con thuyền trở nên bé nhỏ, đơn cô tựa như chính hình ảnh con người. Từ “xuôi mái” cho thấy trạng thái buông xuôi, phó mặc cho dòng nước xô đẩy. Đó phải chăng cũng chính là tâm trạng của những con người Việt Nam trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Thuyền cứ trôi, cứ về để lại nỗi buồn mênh mang, vô hạn cho người ở lại - nước. Và hiển hiện trong hiện thực đó chính là những cành củi khô đơn độc, lẻ loi. Đảo ngữ “củi” được đảo

lên đầu câu nhấn mạnh sự vô nghĩa, tầm thường, không chỉ vậy đó còn là cảnh củi khô không còn sức sống lạc trôi giữa dòng đời vô định. Hình ảnh “củi khô” ẩn dụ cho những kiếp người nhỏ bé, bơ vơ giữa sự mệnh mông của dòng đời. Đồng thời còn ẩn dụ cho cái tôi lạc loài, bơ vơ trong Thơ mới.

Đến khổ thơ thứ hai dường như muốn đẩy nỗi hiu quạnh tăng lên gấp bội.

*"Lơ thơ còn nhỏ gió đìu hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu"*

Hai câu thơ đầu phảng phất một khung cảnh đìu hiu, buồn man mác của một làng quê nghèo, thiếu sức sống. Hình ảnh "còn nhỏ" với tiếng gió thổi "đìu hiu" như phủ lên mình một nỗi buồn mênh mông đến da diết. Đến nỗi nhà thơ phải đặt một câu hỏi sao ngay cả tiếng ồn ào của phiên chợ chiều cũng không nghe thấy hay phải chăng phiên chợ đó cũng buồn hiu quạnh như ở nơi đây. Từ "đâu" cất lên thật thê lương, không điểm tựa để bầu víu. "Sông dài, trời rộng, bến cô liêu", khung cảnh hiện lên qua câu thơ của Huy Cận sao mà hoang sơ, tiêu điều thế, nơi bến nước không có một bóng người qua lại, không có một tiếng động của cỏ cây hay tiếng thở của con người xung quanh chỉ có đất trời dài rộng, cô đơn lẻ loi một mình. Hai câu thơ cuối tác giả đã mượn "trời", "sông" để tả cái mệnh mang vô định của đất trời, của lòng người. Nhà thơ không dùng trời "cao" mà lại dùng trời "sâu" để đo chiều sâu thực sự là nét tinh tế, độc đáo trong thơ Huy Cận. Câu cuối đoạn như nói hết, lột tả hết nỗi buồn sâu thẳm không biết ngỏ cùng ai, nhà thơ đã phải nói thẳng sự "cô liêu".

Rồi ánh mắt thi nhân lại tiếp tục kiếm tìm. Hình như nhân vật trữ tình “lạc lõng” đâu đây một chút sự sống của con người.

*"Bèo dạt về đâu hàng nối hàng  
Mênh mông không một chuyến đò ngang  
Không cầu gợi chút niềm thân mật  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng"*

Lần này hiện lên là hình ảnh hàng bèo quen thuộc. Trong thơ xưa nó chính là hiện thân cho kiếp người trôi nổi, lênh đênh giữa dòng đời. Nhưng chỉ là cánh bèo, chứ không phải hàng nối hàng bèo như ở đây. Vàng, không biết bao nhiêu hàng bèo như thế, nối tiếp nhau trôi dạt về đâu? Có nỗi buồn, sự bơ vơ, lạc lõng không phải của một cảnh củi khô nữa mà là của cả một thế hệ con người chẳng biết sẽ đi đâu về đâu? Hình ảnh thơ đơn giản nhưng gói ghém được tâm sự của cả bao nhiêu thân phận con người lúc bấy giờ. Bởi vậy nhìn xung quanh đâu cũng thấy mệnh mông, đâu cũng không thấy có dấu hiệu của sự sống nào hết. Điệp từ phủ định càng làm cho con người chẳng có chút bóng dáng nào hiện hữu nơi đây. Không một chuyến đò, không một cây cầu thì nỗi niềm thân mật dù một chút thôi cũng thực khó. Thế là chỉ còn lại thiên nhiên tiếp xúc với thiên nhiên. Hai từ lặng lẽ có chút ngậm ngùi vì nhìn hết cảnh trí dòng sông từ trên cao xuống thấp, xa đến gần mà rồi cũng chỉ còn lại những bờ xanh, bãi vàng nối tiếp nhau. Không gian vì thế lại tiếp tục thêm phần mệnh mông bát ngát. Nỗi cô đơn, sự buồn bã của con người chưa có dấu hiệu vơi cạn, thu hẹp lại theo bất cứ một chiều nào.

Đến khổ thơ cuối cùng, những cảm xúc, bút pháp của tác giả được đẩy lên đỉnh điểm, nét vẽ chấm phá dùng rất đặc diệu:

*"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,*

*Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.*

*Lòng quê dợn dợn vờ con nước,*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà"*

Nét chấm phá trong hình ảnh “mây cao” và “núi bạc” giống như trong thơ Đường càng khắc sâu sự cô đơn, buồn phiền. Hình ảnh “chim nghiêng cánh” và “bóng chiều sa” là sự hữu hình hóa cái vô hình của tác giả. Bóng chiều làm sao có thể nhìn thấy được nhưng qua ngòi bút và con mắt của tác giả người ta đã hình dung ra được trời chiều đang dần buông xuống. Mây ở đây chất chồng lên nhau, ánh lên trong nắng chiều, làm cho cả bầu trời trở nên đẹp đẽ và rực rỡ. Giữa khung cảnh ấy, một cánh chim nhỏ nhoi xuất hiện. Cánh chim bay giữa những lớp mây cao đẹp đẽ, hùng vĩ như càng làm nổi bật lên cái nhỏ bé của nó. Nó đơn côi giữa đất trời bao la, như tâm hồn nhà thơ bơ vơ giữa cuộc đời chông chênh vậy.

Bài thơ “Tràng Giang” đã vẽ trước mắt ta những một bức tranh hùng vĩ, với cách nhìn độc đáo vừa gần vừa xa, vừa cao vừa sâu, nhưng bao trùm không gian ấy là một nỗi buồn. Đó không chỉ là nỗi buồn cô đơn lẻ loi của chính tác giả mà còn là nỗi buồn của một thế hệ khi phải sống trong cảnh nước mất nhà tan. Bức tranh mà Huy Cận tạo nên với những hình ảnh gần gũi như sông nước bến thuyền vừa mang một vẻ đẹp vừa cổ kính vừa hiện đại. Điều đó đã tô đậm thêm sự độc đáo trong thơ của Huy Cận.

### 3. Bình giảng về bài thơ Tràng giang

Hoài Thanh đã có một nhận định về các nhà thơ mới năm 1930: “Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận”. Mỗi nhà thơ đều có một phong cách riêng làm nên nét độc đáo riêng của mình. Huy Cận là một nhà thơ xuất sắc với lời thơ đượm buồn một nỗi sầu nhân thế. Bài thơ “Tràng Giang” là một bài thơ đặc sắc và thể hiện rõ nỗi sầu nhân thế của Huy Cận lúc bấy giờ.

Huy Cận là một trong số những nhà thơ mới trong giai đoạn 1930- 1945. Nếu như Xuân Diệu say đắm trong trường tình thì Huy Cận lại chìm đắm trong nỗi sầu của nhân thế. Bài thơ “Tràng Giang” là một bài thơ tiêu biểu và đặc sắc nhất được trích trong tập “Lửa thiêng” (1940). Huy Cận sáng tác bài thơ khi đang đứng ở bờ Nam bến Chèm của sông Hồng, nhìn ngắm cảnh thiên nhiên sông nước suy ngẫm về cuộc đời mình mà “tức cảnh sinh tình”. Bài thơ thể hiện sâu sắc vẻ đẹp thiên nhiên cũng như nỗi buồn nhân thế của tác giả.

Mở đầu bài thơ là cảnh sông nước, khổ thơ đầu làm người đọc liên tưởng đến con sông thăm thẳm chứa đựng biết bao nỗi buồn miên man.

*"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

*Con thuyền xuôi mái nước song song*

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng"*

Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên này. Với một loạt những từ ngữ gợi nỗi buồn thê lương "buồn", "sầu trăm ngả", "lạc mấy dòng" kết hợp với từ láy "điệp điệp", "song song" ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái của thơ Đường thi dường như đã lột tả được hết thần thái và nỗi buồn vô biên, vô tận của nhà thơ. Trên dòng sông gợn sóng ấy là hình ảnh một "con thuyền xuôi mái", lững lờ trôi thể hiện trong tĩnh có động nhưng sao người đọc vẫn cảm thấy vẻ lặng tờ, mênh mông của thiên nhiên, một dòng "tràng giang" dài và rộng mênh mang, vô tận biết bao. Dòng sông thì bát ngát vô cùng, vô tận và

lòng người cũng đầy ắp những nỗi buồn khó tả. Hình ảnh "thuyền", "nước" vốn đi liền với nhau, thế mà Huy Cận lại để chúng xa cách nhau "thuyền về nước lại" sao nghe mà xót xa thế. Chính vì thế mà gợi lên trong lòng người một nỗi "sầu trăm ngả". Lượng từ "trăm" kết hợp cùng chỉ số "mấy" đã thổi vào câu thơ một nỗi buồn dài vô tận, không có điểm dừng.

Khổ thơ thứ hai tiếp tục là khung cảnh buồn nhưng mang nét đều hiu, thiếu sức sống.

*"Lơ thơ cồn nhỏ gió đều hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu"*

Huy Cận thật khéo léo khi sử dụng hai từ láy trong cùng một câu thơ để miêu tả cảnh hoang vu, vắng vẻ hai bên bờ sông: "Lơ thơ" - thưa thớt, ít ỏi, "đều hiu" - vắng lặng, ít người. Trên "cồn nhỏ" làn gió phảng phất không khí buồn, ảm đạm của chốn ít người, thiếu sức sống. Nó u sầu đến nỗi không nghe thấy tiếng ồn ào của phiên chợ chiều. "Đâu" diễn tả cảm giác mơ hồ, không xác định được điểm tựa để bám víu. Như vậy, chỉ qua vài nét chấm phá của nhà thơ đã hiện lên bức tranh quê thê lương, thiếu sức sống. Đến với hai câu thơ tiếp, dường như tác giả mở rộng tầm nhìn ra qua biện pháp đối "nắng xuống" - "trời lên" đã làm không gian mở rộng về chiều cao, có một khoảng không gian đang giãn nở ra ở giữa. Hai động từ ngược hướng "lên" và "xuống" mang lại cảm giác chuyển động. Nắng càng xuống thì bầu trời càng được kéo cao hơn. Và điểm nhấn chính là "sâu chót vót" - không gian mở rộng cả về chiều sâu. "Chót vót" vốn là từ láy độc quyền khi nhắc đến chiều cao. Còn đã nói tới sâu thì người ta hay dùng "sâu hun hút" hoặc "sâu thăm thẳm",... Chính cách dùng từ ngữ đặc sắc của Huy Cận đã gợi ra khoảng không vũ trụ sâu thăm thẳm, đó cũng là lúc nỗi buồn, cô đơn của nhà thơ dâng lên cao, trở nên vô cùng vô tận. Một góc nhìn đầy thú vị, mới mẻ. Câu thơ cuối cùng thì sử dụng không gian rộng để nói về nỗi cô đơn, vắng vẻ. "Bến cô liêu" - buồn, thưa thớt trơ trọi giữa không gian rộng lớn của sông, trời. Toàn cảnh khổ hai là một màu cô đơn, vắng vẻ, đối lập với hình ảnh cảnh vật thưa thớt là không gian mênh mông, nhấn mạnh hơn nỗi u sầu vạn cổ.

*"Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cần gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng"*

Hình ảnh cánh bèo trôi bồng bềnh trên sông là hình ảnh thường dùng trong thơ cổ điển, nó gợi lên một cái gì bấp bênh, nổi trôi của kiếp người vô định giữa dòng đời. Nhưng trong thơ Huy Cận không chỉ có một hay hai cánh bèo, mà là "hàng nối hàng". Bèo trôi hàng hàng càng khiến lòng người rợn ngợp trước thiên nhiên, để từ đó cõi lòng càng đau đớn, cô đơn.

*"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa  
Lòng quê dờn dợn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà"*

Khổ thơ cuối dường như mờ ảo dần, hình ảnh "đùn núi bạc" là không gian hùng vĩ, tráng lệ, từ lớp lớp lớp. Đối lập với không gian hùng vĩ tráng lệ đó là "chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa". Nếu như dòng thơ trên ta thấy được dấu ấn cổ điển thì ở đây là yếu tố hiện đại, cánh chim bé nhỏ đang cố vươn cao lên trong buổi chiều tà ấy. Cái tôi thơ mới ấy mang một

nỗi buồn tự thân, sự thức tỉnh. Cánh chim không chỉ chờ nặng hoàng hôn mà còn trĩu nặng nỗi buồn của các nhà thơ mới.

Đến với hai câu cuối của bài thơ “lòng quê dờn dợn vời con nước, không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”. Đây là nỗi lòng hoài hương, cái hiện đại ở đây là sự phủ định sự tác động của ngoại cảnh đến tâm trạng. Nỗi nhớ nhà da diết hơn, cháy bỏng hơn, đi trên quê hương mà thấy thiếu và nhớ quê hương. Từ láy “dờn dợn” như những cơn sóng lòng đang dồn nén trong Huy Cận.

Bài thơ "Tràng giang" là bài thơ đặc sắc trong cuộc đời thơ ca của Huy Cận. Bài thơ là sự kết hợp bút pháp hiện thực đan xen bút pháp cổ điển đã khắc họa một bức tranh thiên nhiên u buồn, hiu quạnh, qua đó bộc lộ tâm trạng cô liêu, đơn độc của con người và một tình yêu quê hương, mong ngóng về quê hương chân thành, sâu sắc của nhà thơ. Bài thơ "Tràng giang" của Huy Cận đã để lại rất nhiều tình cảm, ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.

#### 4. Suy nghĩ của em về thi phẩm Tràng Giang

Khác với hồn thơ sôi nổi, nhiệt huyết gắn với công cuộc đổi mới sau cách mạng tháng 8. Thơ Huy Cận những năm trước cách mạng lại mang nét u sầu, buồn bã trước thời cuộc. Chẳng thế mà "Tràng giang" ra đời lại khắc họa nét cô đơn của cá thể trước không gian bao la của thiên nhiên. Cùng với nét u buồn khắc khoải trước không gian mênh mông, bài thơ còn là nỗi nhớ quê hương, thương đất nước đang chìm trong tang thương của thi sĩ.

Bài thơ được sáng tác vào năm 1939 in lần đầu tiên trên báo "Ngày nay" sau đó in trong tập "Lửa thiêng" - tập thơ đầu tay của Huy Cận. Cũng chính tập thơ này đã đưa ông trở thành gương mặt tiêu biểu của phong trào "Thơ mới" thời kỳ đầu.

Và con "sông dài", nghe miên man típ tấp ấy cứ vỗ sóng đều đặn khắp các khổ thơ, cứ cuộn sóng lên mãi trong lòng nhà thơ làm rung động trái tim người đọc. Và ngay từ khổ thơ đầu, người đọc đã bắt gặp những con sóng lòng đầy ưu tư, sầu não như thế:

*"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng"*

Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên này. Hai từ láy nguyên "điệp điệp", "song song" ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái cổ kính của Đường thi. Và không chỉ mang nét đẹp ấy, nó còn đầy sức gợi hình, gợi liên tưởng về những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man miên man.

Một nỗi buồn đến tận cùng, mênh mang cùng sông nước dập dềnh. Điểm nhấn của khổ thơ chính là ở câu thơ cuối với hình ảnh “củi” gợi lên sự đơn chiếc, bé nhỏ, mỏng manh, trôi dạt khắp nơi. Có thể nói câu thơ đã nói lên được tâm trạng của các nhà thơ mới nói chung ở thời kỳ đó, một kiếp người đa tài nhưng vẫn long đong, loay hoay giữa cuộc sống bộn bề chật chội như thế này. Đến khổ thơ thứ hai dường như nỗi hiu quạnh lại được tăng lên gấp bội:

*"Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều  
Nắng xuống trời lên sâu chót vót  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu"*

Hai câu thơ đầu phảng phất một khung cảnh buồn thiu, đìu hiu và vắng lặng của một làng quê thiếu sức sống. Đó có phải là quê hương của tác giả hay không. Hình ảnh “cồn nhỏ” nghe rất rõ tiếng gió đìu hiu đến tái lòng ở ven dòng sông dường như khoác lên mình một nỗi buồn mặc định. Ngay cả một tiếng ồn ào của phiên chợ chiều ở nơi xa cũng không thể nghe thấy, hay có chăng phiên chợ ấy cũng buồn đến hiu quạnh như thế này.

*"Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cần gọi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng"*

Hình ảnh cánh bèo trôi bồng bềnh trên sông là hình ảnh thường dùng trong thơ cổ điển, nó gợi lên một cái gì bấp bênh, nổi trôi của kiếp người vô định giữa dòng đời. Nhưng trong thơ Huy Cận không chỉ có một hay hai cánh bèo, mà là "hàng nối hàng". Bèo trôi hàng hàng càng khiến lòng người rộn ngợp trước thiên nhiên, để từ đó cõi lòng càng đau đớn, cô đơn.

*"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa"*

Nhà thơ có cái nhìn rất tinh tế khi miêu tả thiên nhiên đầy tráng lệ, hùng vĩ, vận động rất đẹp và thơ. Từng lớp mây vốn nhẹ nhàng trôi giờ tiếp nhau tạo thành những hình núi đẹp đẽ, lớn lao, từng áng mây mang nội lực, mang sức sống bất diệt, trường tồn. Cánh chim nhỏ nghiêng mình cũng là lúc bóng chiều dần buông xuống. Khi ấy, nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, tình cảm sâu nặng với quê hương lại càng trở dậy, dạt dào đến khó tả:

*"Lòng quê dờn dợn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà"*

Trong trái tim nhân vật trữ tình lúc này đang đầy biết bao tình cảm tốt đẹp chốn quê nhà. Dù buồn đấy, sầu đấy, nhưng nghĩ về quê hương lại càng xúc động, không nói nên lời. "Lòng quê dờn dợn" phải chăng là những đợt sóng lòng đang dâng trào mãnh liệt nơi tâm hồn thi nhân đã dồn nén bấy lâu, càng thương nhớ lại càng da diết khôn nguôi. Đứng trên quê hương mà lại nhớ quê hương khôn cùng.

Nhìn chung toàn bộ bài thơ là nỗi buồn, đây là tâm trạng của các nhà thơ lãng mạn lúc bấy giờ, nỗi buồn của cả thế hệ thanh niên lúc bấy giờ chưa giác ngộ được lý tưởng cách mạng, bài thơ này tiêu biểu cho hồn thơ Huy Cận "sầu ảo não". Bài thơ "Tràng Giang" được đánh giá là bài thơ dọn đường cho thơ về quê hương đất nước. Cách sử dụng ngôn từ thơ cũng như biện pháp tu từ là tạo nên một tác phẩm hay và đặc sắc.